

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**
*Báo cáo của Hội đồng Quản trị
Báo cáo tài chính đã được soát xét
Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016*

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Báo cáo tài chính đã được soát xét

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 2
2. Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	3 - 4
3. Bảng cân đối kế toán	5 - 6
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 23

11/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy Hải sản Việt Nhật (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016.

1. Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Nhật	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên
Ông Hồ Minh Kha	Thành viên
Bà Trần Thị Xuân Đào	Thành viên
Ông Trần Công Thơ	Thành viên

2. Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Quang Minh	Tổng Giám đốc

3. Trụ sở chính

Lô A59/I Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. HCM.

4. Các hoạt động chính

Sản xuất mua bán hàng nông lâm thủy hải sản.

5. Kết quả của thời kỳ tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/6/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016 được trình bày từ trang 05 đến trang 23.

6. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

7. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc thời kỳ tài chính.

8. Các khoản mục bất thường

Không có những điều bất thường nào có thể làm sai lệch bất kỳ số liệu nào được nêu trong báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

9. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định soát xét báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016.

10. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng thời kỳ tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong thời kỳ. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

11. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Công ty cam kết không có bất kỳ các thỏa thuận ràng buộc nào khác với bất kỳ các đối tác nào của Công ty ngoài các bên và số liệu đã được thể hiện trong báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016.

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016.

Vào ngày lập báo cáo này, Công ty tin tưởng có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 12 tháng 8 năm 2016



Số: 199/BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy Hải sản Việt Nhật ("Công ty"), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2016, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán ngày 30/6/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

- Như chú thích tại mục 7* và 8* - trang 16 và 17 - Thuyết minh Báo cáo tài chính, tài sản gắn liền trên đất và các quyền sử dụng đất của Công ty đang mang tên các cá nhân. Tính đến ngày 30/6/2016, các tài sản này chưa hoàn tất thủ tục sang tên cho Công ty.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty 6 tháng đầu năm tại ngày 30/6/2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho thời kỳ tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

- Tại ngày 30/6/2016, Tài sản ngắn hạn nhỏ hơn Nợ phải trả ngắn hạn một khoản là 5.581.852.159 đồng; Số Nợ vay đến hạn và quá hạn chưa thanh toán là 29.862.527.676 đồng.

- Hoạt động kinh doanh của Công ty bị lỗ liên tục nhiều năm cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn, trọng yếu, có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Các báo cáo tài chính đính kèm theo báo cáo này không bao gồm những điều chỉnh có thể phát sinh từ sự kiện nêu trên.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam



HỒ ĐẮC HIẾU

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0458-2013-042-1



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	01/01/2016
A. Tài sản ngắn hạn	100		31.203.922.083	42.749.909.039
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	34.056.252	44.157.649
1. Tiền	111		34.056.252	44.157.649
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		17.825.573.502	21.572.131.225
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	14.647.692.685	15.372.160.481
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		123.885.520	119.166.520
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.02	6.297.533.061	8.097.566.381
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	341.616.566	341.150.409
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.05	(3.585.154.330)	(2.357.912.566)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.06	13.319.641.414	21.117.918.925
1. Hàng tồn kho	141		19.140.326.860	23.125.249.182
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.820.685.445)	(2.007.330.257)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		24.650.915	15.701.240
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		24.650.915	15.701.240
B. Tài sản dài hạn	200		18.016.524.913	25.941.864.913
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		31.684.322	31.684.322
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		45.281.000	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	31.684.322	31.684.322
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.05	(45.281.000)	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		17.983.840.591	25.910.180.591
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	6.415.840.591	6.608.680.591
- Nguyên giá	222		8.959.869.591	8.959.869.591
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.544.029.000)	(2.351.189.000)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	11.568.000.000	19.301.500.000
- Nguyên giá	228		19.301.500.000	19.301.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.733.500.000)	-
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		-	-
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		-	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		1.000.000	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		49.220.446.996	68.691.773.952



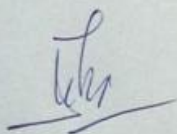
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

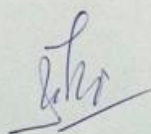
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	01/01/2016
C. Nợ phải trả	300		36.929.620.750	36.795.510.231
I. Nợ ngắn hạn	310		36.929.620.750	21.864.510.231
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	2.916.368.004	2.913.068.004
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	507.365.493	406.970.384
3. Phải trả người lao động	314		47.114.775	22.788.225
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	3.525.466.656	2.992.286.211
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	70.778.146	59.799.300
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	29.862.527.676	15.469.598.107
II. Nợ dài hạn	330		-	14.931.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	-	14.931.000.000
D. Vốn chủ sở hữu	400	V.14	12.290.826.247	31.896.263.721
I. Vốn chủ sở hữu	410		12.290.826.247	31.896.263.721
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.230.710.000	80.230.710.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.230.710.000	80.230.710.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.608.854.848	1.608.854.848
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(69.548.738.601)	(49.943.301.127)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(49.943.301.127)	(42.946.487.070)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(19.605.437.474)	(6.996.814.057)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		49.220.446.996	68.691.773.952

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Trần Công Thơ
 Người lập biểu



Trần Công Thơ
 Kế toán trưởng



Trần Quang Minh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 12 tháng 8 năm 2016

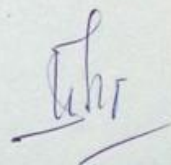
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

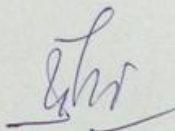
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		10.189.947.000	10.914.414.796
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		10.914.414.796	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	(724.467.796)	10.914.414.796
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	7.798.277.511	10.914.337.369
5. Lợi nhuận (lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(8.522.745.307)	77.427
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	68.048.749	6.849.225
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	1.383.180.445	1.534.789.976
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.383.180.445	1.360.892.433
8. Chi phí bán hàng	25		-	119.940.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	1.903.575.998	444.053.617
10. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(11.741.453.000)	(2.091.856.941)
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.06	7.863.984.474	30.088.352
13. Lợi nhuận (lỗ) khác	40		(7.863.984.474)	(30.088.352)
14. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	50		(19.605.437.474)	(2.121.945.293)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(19.605.437.474)	(2.121.945.293)
18. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	(2.444)	(264)
19. Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.09	(2.444)	(264)

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Trần Công Thơ
 Người lập biểu



Trần Công Thơ
 Kế toán trưởng



Trần Quang Minh
 Giám đốc
 Ngày 12 tháng 8 năm 2016

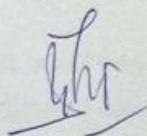
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

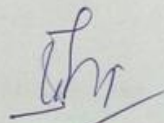
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(19.605.437.474)	(2.121.945.293)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	7.926.340.000	192.840.000
Các khoản dự phòng	03	5.040.596.952	-
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(67.856.072)	173.897.543
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(192.677)	(6.849.225)
Chi phí lãi vay	06	1.383.180.445	1.360.892.433
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(5.323.368.826)	(401.164.542)
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	2.510.366.284	(9.690.388.910)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	3.984.922.322	10.914.337.369
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	139.000.505	20.946.236
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(1.000.000)	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(850.000.000)	(1.137.322.365)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	459.920.285	(293.592.212)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	192.677	6.849.225
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	192.677	6.849.225
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền trả nợ gốc vay	34	(470.000.000)	(150.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(470.000.000)	(150.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(9.887.038)	(436.742.987)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	44.157.649	488.315.759
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(214.359)	798.767
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	34.056.252	52.371.539

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Trần Công Thơ
Người lập biểu



Trần Công Thơ
Kế toán trưởng



Trần Quang Minh
Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy Hải sản Việt Nhật (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006673 ngày 10/5/2007 và đăng ký thay đổi lần 8 ngày 10/11/2015 do sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là VNH kể từ ngày 02 tháng 4 năm 2010 theo Quyết định số 62/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02 tháng 4 năm 2010.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là: 86.800.000.000 đồng. Tên viết tắt: VISEA CORP

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: VIET NHAT SEAFOOD CORPORATION.

Trụ sở chính đặt tại: Lô A59/I Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, TP. HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất - thương mại - xuất khẩu

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, mua bán hàng hóa nông - lâm - thủy - hải sản và thực phẩm chế biến;
- Sản xuất mua bán bao bì (không in, tái chế phế thải tại trụ sở).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Tổng số công nhân viên: đến ngày 30/6/2016 là 09 người.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính đều được đáp ứng.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam được thực hiện như sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;

- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty chi dịch khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, vàng các loại không được sử dụng như hàng tồn kho, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu.

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan đến việc nhận chuyển quyền sử dụng đất và các chi phí có liên quan.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa, vật kiến trúc 45 năm

Phương tiện vận tải 10 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn

7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay. Công ty trình bày chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính theo kỳ hạn phải trả, các khoản vay và nợ có thời gian trả nợ dưới 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, trường hợp ngược lại thì trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

8. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm phát sinh, trừ các khoản chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản khi đáp ứng đủ các điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngưng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở: Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ; Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

15. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Do chưa chắc chắn có được lợi nhuận tính thuế trong tương lai, nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng.

17. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	30/6/2016	01/01/2016
Tiền mặt	525.849	350.361
Tiền gửi ngân hàng	(*) 33.530.403	43.807.288
Cộng	34.056.252	44.157.649

(*) Trong đó bao gồm khoản tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ 1,225.13 USD tương đương 27.295.896 đồng.

2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Khoản cho vay đến Công ty CP Đồ hộp Tấn Phát (không hợp đồng, không lãi suất) (*)	6.297.533.061	-	8.097.566.381	-

(*) Công ty CP Đồ hộp Tấn Phát (trước đây là Công ty CP Đồ hộp Phú Nhật) đang thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa số 452, tờ khai bản đồ số 05, tọa lạc tại xã Lương Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An có diện tích là 10,830 m2 để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Eximbank.

3. Phải thu khách hàng ngắn hạn	30/6/2016	01/01/2016
- Công ty Cổ phần Đồ hộp Tấn Phát	2.427.483.528	13.341.898.324
- Công ty TNHH SXTM DV Hoàng Liên Phát	10.189.947.000	-
- Corporation De Ingenieria De Refrigeracion SRL (64,000.00 USD)	1.349.440.000	1.349.440.000
- Các đối tượng khác	680.822.157	680.822.157
Cộng	(*) 14.647.692.685	15.372.160.481

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Trong đó, bao gồm khoản phải thu có gốc ngoại tệ là 71,173.97 USD tương đương 1.500.413.261 đồng. Khoản phải thu đã quá hạn thanh toán và trích lập dự phòng 100% là 2.030.262.157 đồng.

- Toàn bộ các khoản phải thu và các bộ hồ sơ xuất khẩu được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Á Châu tại thuyết minh số V.13a.

4. Phải thu khác	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
- Tạm ứng	466.157	-	-	-
- Phải thu bà Trần Thị Liên liên quan đến gốc và lãi cho vay đã quá hạn	310.807.879	(310.807.879)	310.807.879	(297.307.879)
- Các khoản phải thu khác	30.342.530	(30.342.530)	30.342.530	(30.342.530)
Cộng	341.616.566	(341.150.409)	341.150.409	(327.650.409)
b) Dài hạn				
- Ký quỹ thuê văn phòng	31.684.322	-	31.684.322	-
Cộng	31.684.322	-	31.684.322	-

5. Nợ xấu	30/6/2016			01/01/2016		
	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
- Công nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 1 - 2 năm	2.427.483.528		Công ty Cổ phần Đồ Hộp Tấn Phát			
	461.347.002		- Công ty TNHH In Bao Bì C.D Corporation De	461.347.002		- Công ty TNHH In Bao Bì C.D Corporation De
- Công nợ phải thu, cho vay quá hạn thanh toán trên 3 năm	1.349.440.000		- Ingeniería De Refrigeracion SRL	1.349.440.000		- Ingeniería De Refrigeracion SRL
	560.625.564		- Các đối tượng khác	560.625.564		- Các đối tượng khác
Cộng	4.798.896.094	-		2.371.412.566	-	

Chi tiết dự phòng phải thu

01/01/2016	(2.357.912.566)
Tăng (do trích lập dự phòng)	(1.272.522.764)
30/06/2016	(3.630.435.330)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Hàng tồn kho	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	19.140.326.860	(5.820.685.445)	23.125.249.182	(2.007.330.257)
(*) Bao gồm:				
	Giá trị tồn	Dự phòng		Giá trị thuần
- Mặt hàng thủy hải sản tồn từ năm 2013 đang được lưu tại kho Công ty thuê (**)	4.539.584.878	(1.361.875.463)		3.177.709.414
- Mặt hàng cá ngừ vây vàng đang được lưu tại kho Công ty thuê	10.033.045.662	(3.070.773.662)		6.962.272.000
- Mặt hàng cá ngừ vây vàng đang được gửi gia công tại kho Chí Nguyên	4.567.696.320	(1.388.036.320)		3.179.660.000
Cộng	19.140.326.860	(5.820.685.445)		13.319.641.414

(**) Đối với mặt hàng thủy hải sản tồn kho, qua kiểm kê ngày 04/01/2016, Công ty phát hiện 11.976 kg mặt hàng mực, ghe thừa so với số liệu sổ sách. Công ty đang xem xét và xử lý.

Chi tiết dự phòng hàng tồn kho

	Thời kỳ này
01/01/2016	(2.007.330.257)
Tăng (do trích lập dự phòng)	(3.813.355.188)
30/6/2016	(5.820.685.445)

7. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Phương tiện vận tải (**)	Cộng
Nguyên giá			
01/01/2016	6.561.000.000	2.398.869.591	8.959.869.591
Tăng	-	-	-
Giảm	-	-	-
30/6/2016	6.561.000.000	2.398.869.591	8.959.869.591
Giá trị hao mòn lũy kế			
01/01/2016	583.200.000	1.767.989.000	2.351.189.000
Tăng	72.900.000	119.940.000	192.840.000
Giảm	-	-	-
30/6/2016	656.100.000	1.887.929.000	2.544.029.000
Giá trị còn lại			
01/01/2016	5.977.800.000	630.880.591	6.608.680.591
30/6/2016	5.904.900.000	510.940.591	6.415.840.591

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Giá trị nhà cửa trên đất gắn liền với quyền sử dụng đất vô thời hạn tại thửa đất số 301 thuộc tờ khai bản đồ số 106 tọa lạc tại số 339-341 Đường số 5, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích là 387,50 m² theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BK 024784 mang tên Ông Nguyễn Văn Nhựt và Bà Trần Thị Thúy. Bà Trần Thị Thúy đã góp vốn vào Công ty bằng giá trị tài sản gắn liền trên đất và giá trị quyền sử dụng đất nói trên theo biên bản bàn giao quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 18/12/2012. Tính đến ngày 30/6/2015, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất này chưa hoàn tất thủ tục sang tên cho Công ty. Giá trị còn lại của Tài sản cố định này là 5.904.900.000 không sử dụng cho mục đích kinh doanh.

(**) Trong đó, bao gồm tài sản cố định không sử dụng vẫn trích khấu hao có nguyên giá là 1.988.392.500 đồng và giá trị còn lại tại ngày 30/6/2016 là 500.603.500 đồng.

8. Tài sản cố định vô hình (Quyền sử dụng đất)

	01/01/2016	Tăng	Giảm	30/6/2016
Nguyên giá (*)	19.301.500.000	-	-	19.301.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế	-	7.733.500.000	-	7.733.500.000
Giá trị còn lại	19.301.500.000			11.568.000.000

(*) Bao gồm:

Giá trị

- Quyền sử dụng đất có thời hạn đến tháng 10/2013 của bà Trần Thị Thúy tại thửa đất số 822 thuộc tờ khai bản đồ số 05 tọa lạc tại Xã Lương Hòa, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An có diện tích là 3.530 m² theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 293743. (**)

1.765.000.000

- Quyền sử dụng đất có thời hạn đến tháng 10/2013 của bà Trần Thị Thúy tại thửa đất số 1722 thuộc tờ khai bản đồ số 05 tọa lạc tại Xã Lương Hòa, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An có diện tích là 11.937 m² theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 293770. (**)

5.968.500.000

- Quyền sử dụng đất vô thời hạn của bà Trần Thị Thúy tại thửa đất số 1721 thuộc tờ khai bản đồ số 05 tọa lạc tại Xã Lương Hòa, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An có diện tích là 258 m² theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 293762. (**)

129.000.000

- Quyền sử dụng đất vô thời hạn của Ông Nguyễn Văn Nhựt và Bà Trần Thị Thúy tại thửa đất số 301 thuộc tờ khai bản đồ số 106 tọa lạc tại số 339-341 Đường số 5, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích là 387,50 m² theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BK 024784.

11.439.000.000

Cộng

19.301.500.000

(**) Theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 31/12/2008, bà Trần Thị Thúy và ông Nguyễn Văn Nhựt đã chuyển nhượng các quyền sử dụng đất trên cho Công ty với tổng giá chuyển nhượng là 7.862.500.000 đồng.

Tính đến ngày 30/6/2016, tài sản gắn liền trên đất và quyền sử dụng đất tại số 339-341 Đường số 5, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đang được thế chấp tại ngân hàng Eximbank và các quyền sử dụng đất còn lại nêu trên đang được thế chấp tại ngân hàng Agribank để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Phải trả người bán	01/01/2016		30/6/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
- CT TNHH CB TMDV Yến Ngân	776.191.662	776.191.662	776.191.662	776.191.662
- DNTN TM Hồng Phú	525.820.000	525.820.000	525.820.000	525.820.000
- Phải trả cho các đối tượng khác	1.614.356.342	1.614.356.342	1.611.056.342	1.611.056.342
Cộng	2.916.368.004	2.916.368.004	2.913.068.004	2.913.068.004

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/6/2016
- Tiền phạt, chậm nộp thuế	406.970.384	100.240.623	-	507.211.007
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	406.970.384	103.395.109	3.000.000	507.365.493

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2016	01/01/2016
- Chi phí lãi vay và lãi vay chậm thanh toán còn phải trả	3.505.466.656	2.972.286.211
- Chi phí phải trả khác	20.000.000	20.000.000
Cộng	3.525.466.656	2.992.286.211

12. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2016	01/01/2016
- Kinh phí công đoàn	57.912.799	57.912.799
- Các khoản bảo hiểm	11.798.142	1.886.501
- Phải trả, phải nộp khác	1.067.205	-
Cộng	70.778.146	59.799.300

13. Vay và nợ thuê tài chính

a) Ngắn hạn	01/01/2016	Tăng	Giảm	30/6/2016
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Sài Gòn	1.835.130.000	-	-	1.835.130.000
- Ngân hàng NN và PT Nông thôn - CN Quận 5	9.874.468.107	-	68.070.431	9.806.397.676
- Nợ dài hạn đến hạn trả (Mục 13b)	3.760.000.000	-	-	18.221.000.000
Cộng	15.469.598.107			29.862.527.676

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Vay Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Sài Gòn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số KH.H.DN.37.200412/TT ngày 27/4/2012 với hạn mức tín dụng là 5.000.000.000 đồng hoặc 750.000.00 USD. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay: 04tháng. Lãi suất vay tại ngày 30/6/2016 là 10%/năm. Tài sản đảm bảo là Bộ chứng từ hàng xuất khẩu và các khoản phải thu từ các Hợp đồng thuộc sở hữu của Công ty; với tổng giá trị tài sản được định giá là 25.257.000.000 đồng theo các Hợp đồng thế chấp số NR.BĐDN.01270410 ngày 12/5/2010, NR.BĐDN.01180610 ngày 20/7/2010, KHH.BĐDN.36.200412/TT ngày 27/4/2012 và KHH.DN.40.200412/TT ngày 27/4/2012. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2016 là **1.835.130.000 đồng**. Số dư này đã quá hạn thanh toán.

- Vay Ngân hàng NN&PT Nông thôn chi nhánh quận 5 theo hợp đồng tín dụng số 6222-LAV-201100358 ngày 13/7/2011 với hạn mức tín dụng là 12.000.000.000 đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động để kinh doanh hàng xuất khẩu thủy sản. Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất vay tại ngày 30/6/2016 là 5%/năm. Tài sản đảm bảo là tài sản của bên thứ 3 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 6222-LCP-201100490 và 6222-LCP-201100491 với giá trị định giá là 2.263.851.000 đồng; . Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2016 là **438.961.40 USD** tương đương với 9.806.397.676 đồng. Số dư này đã quá hạn thanh toán.

b) Dài hạn	01/01/2016	Tăng	Giảm	30/6/2016
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - CN Hòa Bình	18.691.000.000	-	470.000.000	18.221.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	(3.760.000.000)			(18.221.000.000)
Cộng	14.931.000.000			-

- Vay Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - CN Hòa Bình theo Hợp đồng tín dụng số 1007-LAV-201100530 ngày 26/4/2011 với số tiền vay là 25.000.000.000 đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 48 tháng. Lãi suất vay tại ngày 30/6/2016 là 10%/năm. Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu Công trình trên đất thuộc sở hữu Công ty và của bên thứ 3. Số dư nợ vay tại ngày 30/6/2016 là **18.221.000.000 đồng**. Số dư nợ vay cũng chính là nợ dài hạn đến hạn trả.

14. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2015	Tăng	Giảm	31/12/2015
- Vốn góp của chủ sở hữu	80.230.710.000	-	-	80.230.710.000
- Quỹ đầu tư phát triển	1.608.854.848	-	-	1.608.854.848
- LNST chưa phân phối	(42.946.487.070)	(6.996.814.057)	-	(49.943.301.127)
Cộng	38.893.077.778	(6.996.814.057)	-	31.896.263.721

	01/01/2016	Tăng	Giảm	30/6/2016
- Vốn góp của chủ sở hữu	80.230.710.000	-	-	80.230.710.000
- Quỹ đầu tư phát triển	1.608.854.848	-	-	1.608.854.848
- LNST chưa phân phối	(49.943.301.127)	(19.605.437.474)	-	(69.548.738.601)
Cộng	31.896.263.721	(19.605.437.474)	-	12.290.826.247

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

b) Cổ phiếu	30/6/2016	01/01/2016
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.680.000	8.680.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.023.071	8.023.071
+ Cổ phiếu phổ thông	8.023.071	8.023.071
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.023.071	8.023.071
+ Cổ phiếu phổ thông	8.023.071	8.023.071
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp
Các khoản mục ngoại bảng cân đối kế toán	30/6/2016	01/01/2016
- Ngoại tệ - USD	1,225.13	1,231.82
- Hàng tồn kho thừa qua kiểm kê ngày 04/01/2016 (kg)	11.976	

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016 (Thời kỳ này)	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015 (Thời kỳ trước)
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu từ bán hàng hoá	10.189.947.000	10.914.414.796
- Hàng bán bị trả lại	(10.914.414.796)	-
Cộng	(724.467.796)	10.914.414.796
2. Giá vốn hàng bán	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
- Giá vốn hàng hoá đã bán	14.638.305.337	10.914.337.369
- Giá vốn hàng trả lại	(10.914.337.369)	-
- Xử lý chênh lệch hàng tồn kho thiếu qua kiểm kê	260.954.354	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.813.355.188	-
Cộng	7.798.277.511	10.914.337.369
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	192.677	6.849.225
- Lãi chênh lệch tỷ giá	67.856.072	119.940.000
Cộng	68.048.749	6.849.225

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
4. Chi phí tài chính		
- Chi phí lãi vay	1.383.180.445	1.360.892.433
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	173.897.543
Cộng	1.383.180.445	1.534.789.976
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	321.159.070	283.049.908
- Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	4.649.130	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	192.840.000	72.900.000
- Thuế, phí và lệ phí	13.236.262	-
- Chi phí dự phòng	1.272.522.764	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	97.594.772	88.103.709
- Chi phí bằng tiền khác	1.574.000	-
Cộng	1.903.575.998	444.053.617
6. Chi phí khác		
- Chi phí phạt chậm nộp thuế	100.240.623	-
- Chi phí khấu hao quyền sử dụng đất đã hết thời hạn	7.733.500.000	-
- Chi phí khác	30.243.851	30.088.352
Cộng	7.863.984.474	30.088.352
7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	4.649.130	10.914.337.369
- Chi phí nhân công	321.159.070	283.049.908
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	192.840.000	192.840.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	97.594.772	1.534.789.976
- Chi phí khác bằng tiền	14.810.262	118.192.061
Cộng	631.053.234	13.043.209.314

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(19.605.437.474)	(2.121.945.293)
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(19.605.437.474)	(2.121.945.293)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.023.071	8.023.071
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.444)	(264)

9. Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	(19.605.437.474)	(2.121.945.293)
- Lãi của trái phiếu chuyển đổi		
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	(19.605.437.474)	(2.121.945.293)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.023.071	8.023.071
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	8.023.071	8.023.071
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(2.444)	(264)

VII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính

Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Trong thời kỳ tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Ban Giám đốc		Thu nhập	65.930.000

3. Báo cáo bộ phận

Công ty chỉ có một bộ phận tham gia vào quá trình sản xuất, cung cấp dịch vụ tại một môi trường kinh tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016

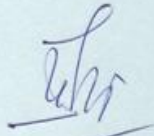
(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Khả năng hoạt động liên tục

Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động kinh doanh có lãi trong tương lai và việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016 kết thúc ngày 30/6/2016 không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ cho hoạt động của Công ty trong tương lai. Do vậy các báo cáo tài chính cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục.



Trần Công Thơ
Người lập biểu



Trần Công Thơ
Kế toán trưởng



Trần Quang Minh
Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

